

Phẩm 3: XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH: ĐỊA

Như trên đã nói mười hai trụ, theo thứ tự làm bảy địa: Sáu địa là của Bồ-tát, một địa là Bồ-tát và Như Lai cùng chung. Một là địa chủng tánh. Hai là địa giải hành. Ba là địa tâm tịnh. Bốn là địa hành tích. Năm là địa quyết định. Sáu là địa quyết định hành. Bảy là địa tất cánh.

Trụ chủng tánh gọi là địa chủng tánh. Trụ giải hành gọi là địa giải hành. Trụ tâm tịnh gọi là địa tâm tịnh. Trụ tăng thượng giới, trụ tăng thượng ý, ba thứ trụ tăng thượng tuệ, trụ vô tướng có khai phát, gọi là địa hành tích. Trụ vô tướng không khai phát gọi là địa quyết định. Trong ba quyết định thì quyết định thứ nhất nơi trụ vô ngại trí gọi là địa quyết định hành. Trụ Bồ-tát tối thượng, trụ Như Lai gọi là địa tất cánh. Địa Như Lai trụ nơi phẩm Kiến lập ở sau sẽ nói rộng.

Bồ-tát ở địa giải hành nhập địa hoan hỷ, làm sao xa lìa báo nơi nẻo ác? Bồ-tát ấy ở trong địa giải hành, nương vào thiên tịnh thế tục, chừa nhóm phương tiện Bồ-đề, đối với một trăm mười thứ khổ nơi chúng sinh, tu tâm bi mẫn, vì các chúng sinh nơi đường ác mà ở lâu trong nẻo ác, coi như nhà cửa của mình, ở đấy tu học Bồ-đề vô thượng, gắng nhẫn có thể vì tất cả chúng sinh làm nhân trừ khổ. Tất cả chúng sinh tạo nghiệp trong ba đường ác, Bồ-tát đem tâm thanh tịnh nguyện xin đều chịu thay, tu hành rốt ráo tất cả nghiệp thiện, tu tập chánh nguyện, dùng thiên tịnh thế tục làm nguyện lực chánh, cho nên phiền não nhiễm ô nơi cõi ác thân đã nhận lãnh không lâu sẽ được đoạn trừ. Bồ-tát chuyển thân nơi đường ác, các nghiệp của đường ác đều không làm. Đó gọi là Bồ-tát xa lìa các đường ác, vượt qua địa giải hành, nhập địa tâm tịnh, như phẩm Trụ ở trước đã nói. Trụ hoan hỷ tịnh, với mười pháp như là tín v.v..., ở địa này là tịnh, đối trị nơi đối tượng được đối trị và thứ tự kiến lập. Vì sao phải đối trị? Một là buông lung, không thọ giới Bồ-tát, niềm tin trái với Bồ-đề, thế nên dùng tín để đối trị. Hai là đối với các chúng sinh có tâm sát hại, trái với đại bi, thế nên dùng tâm bi đối trị. Ba là đối với các chúng sinh có tâm sân hận, trái với đại từ, vì thế đem tâm từ để đối trị. Bốn là tham tiếc thân mạng, tài sản, trái với huệ thí, vì thế đem huệ thí để đối trị. Năm là đối với các chúng sinh tham cầu nhiều thứ vật dụng, trái với sự không chán mệt, thế nên đem sự không chán mệt để đối trị. Sáu là không có trí phương tiện, trái với luận biết, thế nên đem luận biết để đối trị. Bảy là không khéo tùy thuận, trái với việc tùy thuận người khác, vì thế đem việc biết thế gian để đối trị. Tám là đối với việc tu pháp thiện đã buông thả biếng nhác, trái với hỷ thẹn, thế nên đem sự

hổ thẹn để đối trị. Chín là đêm dài sinh tử, thọ khổ không ngừng, tâm lại hèn yếu trái với dũng mãnh, vì thế dùng dũng mãnh để đối trị. Mười là đối với chư Phật còn nghi hoặc, trái với cúng dường, thế nên dùng cúng dường để đối trị.

Đây là mười thứ đối trị nơi chỗ cần đối trị, lược nói có hai thứ: Một là tâm tịnh. Hai là phương tiện tịnh. Ba thứ trước là tâm tịnh, còn lại đều là phương tiện tịnh.

Thế nào là thứ lớp? Bồ-tát tin vào Bồ-đề, đối với chúng sinh khổ đầy khởi tâm bi. Khởi tâm bi, nên khi muốn độ chúng sinh lại khởi tâm từ. Khởi tâm từ nên lại làm huệ thí. Làm huệ thí nên tu tập chánh nghĩa không chán mệt. Không chán mệt vì thế nhận biết các kinh luận. Biết kinh luận, vì thế khéo biết thế gian và tùy thuận thế gian. Tùy thuận thế gian nên nếu phiền não khởi thì sinh hổ thẹn. Do hổ thẹn nên không thuận theo phiền não tức được lực dũng mãnh. Được lực dũng mãnh nên tu chánh phương tiện, pháp thiện tăng trưởng, được nhiều lợi ích, cúng dường Như Lai. Như vậy là mười pháp làm tịnh tất cả địa.
